

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2018/DS-ST

Ngày: 04-9-2018

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Công Lập**;

Ông **Trần Việt Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Lệ T**, sinh năm 1961; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L K, xã P H, huyện C G, tỉnh Long An; địa chỉ tạm trú: Tổ 7, k p 3, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 4, kp 4, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Tây Ninh là Người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 13-6-2018 (có mặt).

-Bị đơn:

1. Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 13, k p 3, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Chị **Phan Thị Bích T**, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 13, k p 3, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/6/2018 của bà Ngô Thị Lệ T, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:

Vào ngày 10/5/2018, bà T có cho vợ chồng anh H, chị T vay số tiền 60.000.000 đồng để kinh doanh, mua bán hàng hóa; có làm giấy; lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng; hẹn đến ngày 10/6/2018 sẽ trả; có thể chấp một Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh tại chợ Tân Châu. Sau khi vay được 20 ngày thì chị T bỏ đi khỏi địa phương, bà T không biết chị T đi đâu nên mới khởi kiện. Đến hạn trả nợ ngày 10/6/2018 anh H, chị T cũng không trả tiền cho bà T.

Nay bà T yêu cầu vợ chồng anh H, chị T trả lại cho bà số tiền gốc là 60.000.000 đồng và 675.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 60.675.000 đồng. Bà T đồng ý trả lại Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh tại chợ Tân Châu cho vợ chồng anh H, chị T. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Bích T trình bày:

Vào ngày 10/5/2018, anh chị có vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng; có làm giấy; thỏa thuận trả góp mỗi ngày là 2.400.000 đồng, trả trong thời hạn 27 ngày nhưng thỏa thuận này không ghi vào giấy nợ. Sau khi vay anh chị đã góp cho bà T được 05 ngày với số tiền 12.000.000 đồng thì ngưng do chị T phải tiến hành phẫu thuật tại Bệnh viện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với bà T. Các lần trả tiền cho bà T thì không làm giấy mà có lần chị T mang đến nhà trả trực tiếp cho bà T, có lần con gái bà T đến gặp chị T để lấy tiền, có lần chị T gởi tiền cho người khác nhờ trả giùm. Từ ngày 10/6/2018 đến nay anh chị cũng không trả cho bà T được số tiền nào.

Nay anh chị chỉ đồng ý trả cho bà T 48.000.000 đồng tiền gốc, không đồng ý trả tiền lãi. Do anh chị đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà T nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh chị không có yêu cầu gì khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc anh H, chị T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà T 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

+ Buộc chị T và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị Lệ T là Nguyên đơn trong vụ án vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà H đại diện nên căn cứ vào điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, bà H đại diện cho bà T yêu cầu Tòa án buộc anh H, chị T trả lại cho bà T 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 10/5/2018 đến ngày 10/6/2018 theo mức lãi suất 0,75%/tháng thành tiền là 450.000 đồng, cộng với tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/6/2018 đến ngày 04/9/2018 là 02 tháng 24 ngày theo mức lãi suất 1,125%/tháng thành tiền là 1.890.000 đồng; tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 62.340.000 đồng. Anh H, chị T chỉ đồng ý trả 48.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc của bà T thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H, chị T đều thừa nhận vào ngày 10/5/2018 anh chị có vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng, có làm giấy nợ là Giấy vay tiền do bà T cung cấp cho Tòa án nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật. Anh H, chị T cho rằng số tiền này là tiền vay trả góp, mỗi ngày trả 2.400.000 đồng, trả trong thời hạn 27 ngày và đã trả góp cho bà T được 05 ngày với số tiền 12.000.000 đồng nhưng không làm giấy, chỉ còn nợ lại 48.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy vay tiền do bà T cung cấp thì không thể hiện số tiền này là tiền vay trả góp mà có hạn đến ngày 10/6/2018 sẽ trả đủ. Qua làm việc với những người biết sự việc do anh H, chị T yêu cầu và qua đoạn băng ghi âm do anh H, chị T cung cấp Hội đồng xét xử xét thấy không có đủ cơ sở xác định lời trình bày trên của anh H, chị T là có căn cứ. Qua đối chất thì bà T cũng không thừa nhận những sự việc mà anh H, chị T trình bày. Do đó, việc bà T yêu cầu anh H, chị T trả lại 60.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà T thấy rằng: Theo Giấy vay tiền ngày 10/5/2018 thì không thể hiện mức lãi suất cho vay; bà H cho rằng lãi suất 3%/tháng; anh H, chị T cho rằng lãi suất tính theo mức trả góp nhưng không bên nào chứng minh được mức lãi suất cho vay cụ thể là bao nhiêu nên thuộc trường hợp có tranh chấp về lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì khi có tranh chấp về lãi suất thì mức lãi suất được áp dụng để tính tối đa là 10%/năm tương

đương với 0,83%/tháng. Do đó, đối với yêu cầu của bà H về lãi suất trong hạn tính từ ngày 10/5/2018 đến ngày 10/6/2018 theo mức lãi suất 0,75%/tháng thành tiền là 450.000 đồng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 11/6/2018 đến ngày 04/9/2018 là 02 tháng 24 ngày theo mức lãi suất 1,125%/tháng thành tiền là 1.890.000 đồng là vượt quá giới hạn pháp luật quy định nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần và được tính cụ thể như sau (60.000.000 đồng X 0,83%/tháng X 02 tháng 24 ngày) = 1.394.000 đồng. Tổng cộng hai khoản tiền lãi nêu trên là (1.394.000 đồng + 450.000 đồng) = 1.844.000 đồng. Số tiền lãi quá hạn theo yêu cầu của bà H không được chấp nhận là 496.000 đồng.

Từ những nhận định trên cần buộc anh H, chị T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền cả gốc lẫn lãi là (60.000.000 đồng + 1.844.000 đồng) = 61.844.000 đồng.

[3] Đối với việc thế chấp giấy sạp thì anh H, chị T cho rằng mình không thế chấp cho bà T Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh tại chợ Tân Châu mà phía bà T đã cung cấp cho Tòa án mà chỉ giao bản phôtô Hợp đồng thuê mặt bằng sạp tại chợ Tân Châu. Tại phiên tòa, anh H, chị T không yêu cầu gì đối với vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị T, anh H phải chịu 3.092.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi quá hạn không được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.516.500 đồng, bà T được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.216.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Lệ T đối với anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Bích T về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Bích T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị Lệ T 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng tiền gốc và 1.844.000 (một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng tiền lãi; tổng cộng là 61.844.000 đồng (sáu mươi một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Ngô Thị Lệ T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Bích T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án anh Nguyễn

Văn H và chị Phan Thị Bích T còn phải trả cho người được thi hành án bà Ngô Thị Lệ T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Thị Lệ T đối với anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Bích T về việc yêu cầu trả 496.000 (bốn trăm chín mươi sáu nghìn) đồng tiền lãi quá hạn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Bích T phải chịu 3.092.000 (ba triệu không trăm chín mươi hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Ngô Thị Lệ T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.516.500 (một triệu năm trăm mười sáu nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai thu số 0025571 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do bà Nguyễn Thị H là người nộp thay); bà Ngô Thị Lệ T được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.216.000 (một triệu hai trăm mười sáu nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung